

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Dịch Vọng – Cầu Giấy – Hà Nội

Mã số thuế : 0101533886

Mã chứng khoán : NTL

-----***-----



LIDECO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010



Hà nội, Tháng 03/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Đến ngày 31/12/2010

TÀI SẢN	Mã	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.110.149.684.777	1.142.564.944.916
I. Tiền	110		883.509.132.413	373.830.844.176
1. Tiền	111	V.01	43.515.862.124	368.440.844.176
2. Các khoản tương đương tiền	112		839.993.270.289	5.390.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	19.899.239.165	861.680.000
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		19.899.239.165	861.680.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	130		330.997.773.173	198.031.679.512
1. Phải thu của khách hàng	131		136.680.774.441	115.483.848.876
2. Trả trước cho người bán	132		62.011.085.860	49.634.601.971
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	132.305.912.872	32.913.228.665
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140		803.300.135.265	486.088.842.179
1. Hàng tồn kho	141	V.04	803.300.135.265	486.088.842.179
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		72.443.404.761	83.751.899.049
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		148.917.686	44.197.092
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.168.689.274	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		70.125.797.801	83.707.701.957
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =210 + 220 + 240 + 250 +260)	200		72.209.152.934	28.870.955.765
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khác hành	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.06		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	V.07		
II. Tài sản cố định	220		15.656.712.324	11.980.291.462
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	14.168.305.151	8.352.972.177
- Nguyên giá	222		19.828.417.973	13.012.670.698
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.660.112.822)	(4.659.698.521)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	507.000.014	539.500.010
- Nguyên giá	228		665.000.000	665.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(157.999.986)	(125.499.990)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	981.407.159	3.087.819.275
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			

VI. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		54.883.580.452	14.870.800.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	54.883.580.452	14.870.800.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.668.860.158	2.019.864.303
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.668.860.158	2.019.864.303
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14		
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.21		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	250		2.182.358.837.711	1.171.435.900.681

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		1.213.630.838.728	615.573.493.231
I. Nợ ngắn hạn	310		1.163.442.162.858	568.523.176.911
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	11.050.000.000	1.900.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		107.861.313.077	29.909.399.000
3. Người mua trả tiền trước	313		453.230.063.642	239.354.979.687
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	263.408.469.410	152.752.691.413
5. Phải trả người lao động	315		4.376.714.885	3.338.107.540
6. Chi phí phải trả	316	V.17	15.487.052.934	2.342.050.564
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	V.18	306.774.124.185	137.020.950.057
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.254.424.725	1.904.998.650
II. Nợ dài hạn	330		50.188.675.870	47.050.316.320
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.20		
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		46.771.886.012
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		278.430.308	278.430.308
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		49.910.245.562	
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339			
B. Vốn chủ sở hữu (400= 410 + 430)	400		938.886.998.983	555.862.407.450
I. Vốn chủ sở hữu	410		938.886.998.983	555.862.407.450
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	328.000.000.000	164.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.994.035.440	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(107.214.776.550)	(4.274.155.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.000.000.000	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.859.125.866	11.859.125.866
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		687.248.614.227	384.277.436.584
11. Nguồn vốn đầu tư XD cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		

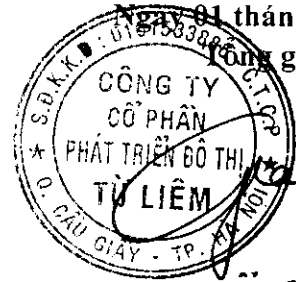
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		29.841.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300 + 400)	440		2.182.358.837.711
			1.171.435.900.681

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	V.24		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại ệ các loại			
6. Dự toán chi hoạt động			

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Tổng giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Văn Cường

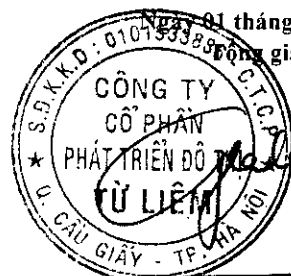
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp trực tiếp
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này		Năm trước
			Năm nay	Năm trước	
1	2	3	4	5	6
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	...	1.736.948.047.185	1.078.473.369.731	1.078.473.369.731
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	...	(477.148.412.374)	(249.854.866.181)	(249.854.866.181)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	...	(23.580.671.996)	(13.907.072.372)	(13.907.072.372)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	...	(44.877.060)	(332.602.967)	(332.602.967)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	...	(146.047.202.493)	(47.780.909.770)	(47.780.909.770)
6. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	6	...	7.730.450.517.304	3.955.326.437.243	3.955.326.437.243
7. Tiền chi cho các hoạt động kinh doanh	7	...	(8.381.567.005.656)	(4.352.870.816.888)	(4.352.870.816.888)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	...	439.010.394.910	369.053.538.796	369.053.538.796
II. Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	...	(127.502.875)	(111.535.867)	(111.535.867)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	...	1.897.653.112	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	...	-	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	...	-	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	...	-	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	...	-	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	...	70.797.743.090	32.258.873.517	32.258.873.517
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	...	72.567.893.327	32.147.337.650	32.147.337.650
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	...	-	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	...	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	...	-	4.900.000.000	4.900.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	...	(1.900.000.000)	(103.000.000.000)	(103.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	...	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	...	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	...	(1.900.000.000)	(98.100.000.000)	(98.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	...	509.678.288.237	303.100.876.446	303.100.876.446
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	...	373.830.844.176	70.729.967.730	70.729.967.730
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	...	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	883.509.132.413	373.830.844.176	373.830.844.176

Người lập biểu

Kế toán trưởng



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Gia Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Th. minh	Quý này		Luỹ kế	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	579.291.813.560	641.034.346.481	1.400.017.468.386	1.379.553.723.402
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		579.291.813.560	641.034.346.481	1.400.017.468.386	1.379.553.723.402
(10 = 01 - 03)						
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	249.625.170.442	315.786.040.390	640.041.132.752	671.698.787.244
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		329.666.643.118	325.248.306.091	759.976.335.634	707.854.936.158
(20 = 10 - 11)						
6. Doanh thu từ hoạt động tài chính	21	VI.26	26.338.888.822	17.345.987.841	63.660.992.056	16.798.441.325
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	(139.413.536)	(3.685.723.353)	201.023.964	(13.298.720.953)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		148.736.464	102.740.622	201.023.964	160.698.954
8. Chi phí bán hàng	24		213.720.409		4.249.194.818	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.488.603.746	10.770.057.477	33.391.830.121	22.061.016.474
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		344.442.621.321	335.509.959.808	785.795.278.787	715.891.081.962
(30 = 20 + (21-22) - (24 + 25))						
11. Thu nhập khác	31		2.561.122.075	63.176.503	6.266.398.718	124.583.633
12. Chi phí khác	32		4.448.275.422	1.320.304.511	8.104.967.134	2.766.050.217
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.887.153.347)	(1.257.128.008)	(1.838.568.416)	(2.641.466.584)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		342.555.467.974	334.252.831.800	783.956.710.371	713.249.615.378
(50 = 30 + 40)						
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.30	91.019.694.595	85.161.770.631	201.117.029.535	159.193.873.246
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30				23.652.934.908
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		251.535.773.379	249.091.061.169	582.839.680.836	530.402.807.224
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			6.971.137.107		8.233.566.408	
17.2 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			244.564.636.272	249.091.061.169	574.606.114.428	530.402.807.224
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		7.456	7.594	17.518	16.171

Người lập biểu

Kế toán trưởng

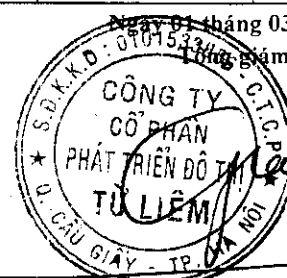
Ngày 03 tháng 03 năm 2011

Thủ giám đốc

Walle

Đỗ Huy Khai

car



TỔNG GIÁM ĐỐC

Thị Giàu Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà N09B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm và các công ty con.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, kinh doanh nhà
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ** :
 - Xây dựng hạ tầng đô thị;
 - Tổ chức kinh doanh nhà;
 - Kinh doanh bất động sản.

- Tổng số các công ty con** : 06.
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01.
Số lượng các công ty con chưa được hợp nhất: 01.

5. Danh sách các công ty được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Lideco 1	Tầng 10, phòng 1002 nhà CT1 lô C1 xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội	55,80%	56%
Công ty Cổ phần Lideco 3	Tầng 1+2 Tòa nhà LIDECO, B09 – B1, KĐT mới Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội	50,35%	51%
Công ty Cổ phần Lideco 8	Tầng Tòa nhà LIDECO, B09 – B2, KĐT mới Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội	50,35%	51%
Công ty Cổ phần Lideco 2	Tầng 10, phòng 1001 nhà CT1 lô C1 xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội	50,35%	51%
Công ty TNHH MTV LIDECO – HOÀ SƠN	128 Tổ 3 Đồng Tiến TP Hoà Bình	100%	100%

6. Công ty con chưa được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Lideco 6	Xóm 7, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội	0%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà N09B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Lideco 6 được thành lập ngày 30 tháng 11 năm 2009 nhưng Công ty chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Lideco6 nên Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm không bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lideco 6.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà N09B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao trong 3 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng tại Hòa Bình, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 20 năm.

8. Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỬ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Riêng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, trường hợp Công đã thu tiền của khách hàng mà chưa xác định được chi phí tương ứng thì Công ty tạm kê khai nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 2% trên doanh thu thu được tiền. Khi bàn giao bất động sản, Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà N09B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, giá vốn

Doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Khi thực hiện các dự án xây dựng, kinh doanh nhà ở và khu đô thị: Doanh thu chủ yếu thu được từ các hợp đồng dài hạn về mua bán nhà ở và chuyển nhượng đất có hạ tầng.
 - + Đối với trường hợp chuyển nhượng đất có hạ tầng: Doanh thu được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đất có hạ tầng được hai bên ký kết và đã có Biên bản bàn giao mốc giới.
- Đối với hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ

Giá vốn

- Đối với các dự án xây dựng, kinh doanh nhà ở và khu đô thị: giá vốn bao gồm chi phí xây lắp và chi phí hạ tầng
 - + Chi phí xây lắp của các dự án chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.
 - + Chi phí hạ tầng được ghi nhận theo thực tế phát sinh. Số kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm được xác định theo dự toán chi phí hạ tầng.
- Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xí nghiệp, chủ đội công trình, trong khoảng 95% - 98,5% và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT NĂM 2010

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	43.515.862.124	8.656.129.684
Tiền gửi ngân hàng		359.284.714.492
Tiền đang chuyển		500.000.000
Các khoản tương đương tiền	839.993.270.289	5.390.000.000
<i>Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>	<i>839.993.270.289</i>	<i>5.390.000.000</i>
Cộng	<u>883.509.132.413</u>	<u>373.830.844.176</u>

2. Đầu tư ngắn hạn :

Là khoản tiền cho các đối tác vay ngắn hạn và hưởng lãi suất theo Ngân hàng Thương mại.

- Công ty CP CK Sao Việt : 10.000.000.000 đồng.
- Công ty CP Tân Thành Đạt : 3.000.000.000 đồng
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (LIDECO8) : 1.350.008.665 đồng
- Tiền gửi có kỳ hạn (LIDECO1) : 5.549.230.500 đồng

Tổng cộng : **19.899.239.165** đồng

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về hoạt động bất động sản	56.176.638.787	52.897.395.276
Phải thu về hoạt động xây lắp	80.504.135.654	62.586.453.600
Cộng	<u>136.680.774.441</u>	<u>115.483.848.876</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về hoạt động chuyển nhượng Bất động sản	51.183.936.090	9.223.425.460
Trả trước các nhà cung cấp khác	10.827.149.770	40.411.176.511
Cộng	<u>62.011.085.860</u>	<u>49.634.601.971</u>

5. Các khoản phải thu khác

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
--------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	88.298.280	95.369.921
Phải thu CBCNV về thuế TNCN		218.970.020
Công ty Cổ phần phát triển nhà Tây Đô		3.046.120.000
Tạm kê khai nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 2% trên doanh thu thu tiền theo tiến độ của dự án	7.452.628.657	12.543.194.695
Tạm kê khai thuế GTGT theo tiến độ thu tiền của các dự án.	35.413.641.342	
Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt		8.891.000.000
Các khoản phải thu khác	33.714.839.206	8.118.574.029
Tài sản bán giao cho các Công ty con (L3, L6)	55.636.505.387	
Cộng	<u>132.305.912.872</u>	<u>32.913.228.665</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu		39.413.212.566
Công cụ, dụng cụ		-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	803.300.135.265	446.675.629.613
Cộng	<u>803.300.135.265</u>	<u>486.088.842.179</u>

7. Chi phí trả trước ngắn

Là chi phí công cụ dụng cụ, chi tiết:

Số đầu năm	44.197.092
Tăng trong năm	148.917.686
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	44.197.092
Số cuối năm	<u>148.917.686</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	69.827.538.536	82.789.458.871
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	298.259.265	918.243.086
Cộng	<u>70.125.797.801</u>	<u>83.707.701.957</u>

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công trình nhà xưởng mộc – sắt TT	914.088.842	486.785.126	1.400.873.968	
Công trình nhà xưởng gỗ tự nhiên	1.522.687.835	134.147.756	1.656.835.591	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Công trình xưởng xe gỗ tự nhiên	517.709.807	55.062.436	572.772.243	
Công trình đường điện 3 pha	133.332.791		133.332.791	
Mua sắm TSCĐ		835.181.818	835.181.818	
Chi phí xây dựng toà nhà DA Dịch Vọng		981.407.159		981.407.159
Cộng	3.087.819.275	2.492.584.295	4.598.996.411	981.407.159

10. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	54.883.580.452	14.870.800.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	45.355.150.452	9.220.800.000
Cổ phiếu Vietinbank	982.310.000	
Dự án Tây Đô – Hoài Đức	3.046.120.000	
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt	5.500.000.000	5.500.000.000
Đầu tư trái phiếu		150.000.000
- Trái phiếu chính phủ		100.000.000
- Trái phiếu xây dựng thủ đô		50.000.000
Cộng	54.883.580.452	14.870.800.000

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối năm
Giá trị lợi thế khi xác định giá trị doanh nghiệp	379.712.000		379.712.000	
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	107.252.303	1.351.311.758	107.252.303	155.872.849
Chi phí khác	1.532.900.000		1.532.900.000	1.512.987.309
Cộng	2.019.864.303	1.351.311.758	1.702.345.903	1.668.860.158

12. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (LIDECO3)	11.050.000.000	1.900.000.000
Cộng	11.050.000.000	1.900.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà N09B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp Dự án Dịch Vọng	8.006.465.868	18.819.203.597
Nhà cung cấp Dự án Xuân Đình	79.937.753	52.598.833
Nhà cung cấp Dự án 1A Láng Hạ	272.953.000	272.953.000
Nhà cung cấp Dự án Trạm Trôi	1.665.449.651	5.215.081.737
Nhà cung cấp khác (các công trình xây lắp)	99.336.506.805	5.549.561.833
Cộng	<u>107.861.313.077</u>	<u>29.909.399.000</u>

14. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng ứng trước tiền mua nhà Khu đô thị mới Dịch Vọng	15.962.473.000	141.901.681.594
Khách hàng ứng trước tiền mua nhà Dự án Trạm Trôi	389.423.234.117	49.641.319.599
Các đối tượng khác (các công trình xây lắp)	47.844.356.525	47.811.978.494
Cộng	<u>453.230.063.642</u>	<u>239.354.979.687</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.927.452.972	65.570.829.414	64.353.509.548		8.144.772.838
Thuế thu nhập doanh nghiệp	143.768.160.298	243.580.836.950	135.768.057.373		251.610.939.875
Thuế thu nhập cá nhân	2.057.078.143	12.376.098.786	8.899.130.724		3.652.756.697
Tiền thuế đất		46.300.000	46.300.000		
Các loại thuế khác		9.000.000	9.000.000		
Cộng	<u>152.752.691.413</u>	<u>321.583.065.150</u>	<u>210.927.287.153</u>		<u>263.408.469.410</u>

16. Chi phí phải trả

Là các khoản trích trước chi phí các công trình xây lắp.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Là các khoản trích trước chi phí các công trình xây lắp	15.487.052.934	2.342.050.564
Cộng	<u>15.487.052.934</u>	<u>2.340.050.564</u>

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	254.398.074	993.074.207
Bảo hiểm y tế	52.646.074	23.702.351
Kinh phí công đoàn	22.832.307	10.489.062
Nhận vốn góp liên doanh từ các đơn vị khác		10.860.233.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự án Dịch Vọng ^(a)		
<i>Công ty Cổ phần Hà Đô (bằng tiền và sản lượng thi công dự án)</i>	24.103.337.560	-
Dự án Xuân Đình ^(b)		
<i>Công ty Cổ phần Trung Tín</i>	10.860.233.000	10.860.233.000
<i>Công ty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng</i>		-
Phải trả Ngân sách Nhà nước chênh lệch giá bán và giá thành toà nhà NO9B2	7.394.710.968	5.812.627.040
Phải trả tiền phí và ký quỹ bảo lãnh	273.917.448	839.323.336
Phải trả các đội xây dựng	263.987.820.907	114.635.040.610
Sở xây dựng	428.031.750	428.031.750
Phụ cấp HDQT và Ban Kiểm soát		3.150.250.831
Phải trả khác		268.177.870
Tiền cổ tức tạm ứng năm 2010	75.269.265.300	
Cộng	306.774.124.185	137.020.950.057

18. Doanh thu chưa thực hiện

Là khoản doanh thu cho thuê Tầng 1,2 toà nhà NO9B1, NO9B2 được phân bổ dần cho các năm, bắt đầu từ năm 2011, cụ thể:

- Toà nhà NO9B1:	20.077.201.222
- Toà nhà NO9B2:	29.833.044.340
Cộng	49.910.245.562

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Xã Đông Ngạc - Huyện Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

19. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	164.000.000.000	-	(4.274.155.000)	-	11.859.125.866	384.277.436.584	555.862.407.450
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ						574.606.114.428	574.606.114.428
Phân phối lợi nhuận năm trước							
<i>Trích lập các quỹ theo NQĐHHDCĐ năm 2010</i>				5.000.000.000	5.000.000.000	-10.000.000.000	
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo NQĐHHDCĐ năm 2010</i>						-10.000.000.000	-10.000.000.000
<i>Tăng vốn điều lệ theo NQĐHHDCĐ năm 2010</i>	164.000.000.000					-164.000.000.000	13.268.190.440
<i>Bán 83.140 CP có phiếu quỹ NTL</i>		8.994.035.440					4.274.155.000
<i>Mua cổ phiếu quỹ</i>							(107.214.776.550)
<i>Chi trả tiền các khoản khác</i>						-185.295.455	-185.295.455
Số dư cuối kỳ	328.000.000.000	8.994.035.440	(107.214.776.550)	5.000.000.000	16.859.125.866	687.248.614.227	938.886.998.983

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Xã Đông Ngạc - Huyện Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu

	<u>Năm này</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1400.017.468.386	1.379.553.723.402
Hoạt động kinh doanh xây lắp	319.414.952.744	196.274.934.650
Hoạt động kinh doanh nhà	1.055.257.465.811	1.180.410.869.981
Doanh thu hoạt động dịch vụ	25.345.049.831	2.867.918.771
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần	1400.017.468.386	1.379.553.723.402

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm này</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động xây lắp	288.333.370.518	181.276.668.907
Giá vốn của hoạt động kinh doanh nhà	325.819.446.736	487.567.431.381
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	25.888.315.497	2.854.686.956
Cộng	640.041.132.752	671.698.787.244

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm này</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay. Hoạt động đầu tư chứng khoán	63.660.992.056	16.798.441.325
Cộng	63.660.992.056	16.798.441.325

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí Lãi tiền gửi, tiền cho vay. Hoạt động đầu tư chứng khoán	201.023.964	(13.298.720.953)
Cộng	201.023.964	(13.298.720.953)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí bán hàng dự án Trạm Trôi	4.249.194.818	
Cộng	4.249.194.818	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, nhà N09B1, KĐT mới Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm này	Năm trước
Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.391.830.121	22.061.016.474
Cộng	33.391.830.121	22.061.016.474

7. Thu nhập khác

	Năm này	Năm trước
Hoàn nhập chi phí trích trước công trình trường mầm non Gia Quất		61.641.057
Thu tiền bán vật tư thiết bị lò khói Bia Sài Gòn		60.987.000
Thu nhập khác	6.266.398.718	1.955.576
Cộng	6.266.398.718	124.583.633

8. Chi phí khác

	Năm này	Năm trước
Chi phí khác	8.104.967.134	2.766.050.217
Cộng	8.104.967.134	2.766.050.217

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc quý tài chính

- Sang năm 2011 Công ty tiếp tục triển khai công tác bán nhà và xây dựng bàn các căn Liền kề, Biệt thự tại dự án khu đô thị mới Bắc QL 32 TT Trạm Trời.

- Đang xin điều chỉnh thiết kế kiến trúc toà nhà N04B1 thuộc khu ĐTM Dịch Vọng và dự kiến triển khai đầu tư xây dựng vào quý IV/2010.

2. Thay đổi chính sách kế toán

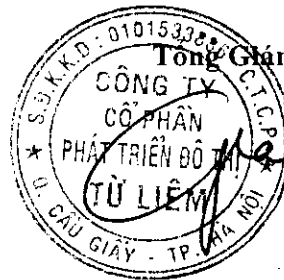
Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

Lập, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Gia Cường

Đỗ Huy Khải

Lê Minh Tuấn